TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN PHƯỚC** **TỈNH TIỀN GIANG** ----------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Án số: 09/2018/DS-ST
Ngày: 18/01/2018
V/v tranh chấp: "Hợp đồng góp hụi"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Chí Khanh**

Các hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Thanh Dũ**

Bà **Võ Thị Kim Loan**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Thạch Hải Âu** – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phước không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 18 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, mở phiên Tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm đã thụ lý số 230/2017/TLST-DS ngày 17 tháng 11 năm 2017 về việc tranh chấp "Hợp đồng góp hụi". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 98/2017/QĐXX-ST ngày 28/12/2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Phan Văn T,** sinh năm: 1984
Trần Thị Hồng T, sinh năm: 1987
Địa chỉ: ấp P, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: **Trần Thị H,** sinh năm: 1966.
Võ Văn C, sinh năm: 1959
Địa chỉ: ấp P, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

- Anh T và chị T có mặt tại phiên tòa.
- Bà H và ông C có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại Đơn khởi kiện, Tờ tự khai cùng ngày 12/11/2017 nguyên đơn anh Phan Văn T và chị Trần Thị Hồng T xác định: Vợ chồng chúng tôi có tham gia 05 dây hụi tiền do vợ chồng bà Trần Thị H và ông Võ Văn C làm chủ hụi, có giấy danh sách hụi, cụ thể như sau:

Dây 1: Hụi mở ngày 20/4/2015, hụi 1.000.000đồng/phần, mỗi tháng khui 01 lần, hụi gồm có 35 phần, vợ chồng tôi tham gia 01 phần, đóng được 29 lần hụi sống thì vợ chồng bà H ngưng hụi. Như vậy dây hụi này vợ chồng bà H nợ chúng tôi 29 lần hụi với số tiền là 29.000.000đồng.

Dây 2: Hụi mở ngày 20/4/2015, hụi 1.000.000đồng/phần, mỗi tháng khui 01 lần, hụi gồm có 35 phần, vợ chồng tôi tham gia 01 phần, đóng được 29 lần hụi sống thì vợ chồng bà H ngưng hụi. Như vậy dây hụi này vợ chồng bà H nợ chúng tôi 29 lần hụi với số tiền là 29.000.000đồng.

Dây 3: Hụi mở ngày 10/8/2015, hụi 5.000.000đồng/phần, 03 tháng khui 01 lần theo 03 vụ lúa, hụi gồm có 25 phần, vợ chồng tôi tham gia 01 phần, đóng được 08 lần hụi sống thì vợ chồng bà H ngưng hụi. Như vậy dây hụi này vợ chồng bà H nợ chúng tôi 08 lần hụi với số tiền là 40.000.000đồng.

Dây 4: Hụi mở ngày 05/02/2016, hụi 1.000.000đồng/phần, mỗi tháng khui 01 lần, hụi gồm có 40 phần, vợ chồng tôi tham gia 02 phần, đóng được 19 lần hụi sống thì vợ chồng bà H ngưng hụi. Như vậy dây hụi này vợ chồng bà H nợ chúng tôi 19 lần hụi x 02 phần với số tiền là 38.000.000đồng.

Dây 5: Hụi mở ngày 05/02/2016, hụi 1.000.000đồng/phần, mỗi tháng khui 01 lần, hụi gồm có 40 phần, vợ chồng tôi tham gia 02 phần, đóng được 19 lần hụi sống thì vợ chồng bà H ngưng hụi. Như vậy dây hụi này vợ chồng bà H nợ chúng tôi 19 lần hụi x 02 phần với số tiền là 38.000.000đồng.

Tổng cộng vợ chồng bà H nợ vợ chồng tôi số tiền hụi là 174.000.000 đồng. Nay yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Trần Thị H và ông Võ văn C phải trả cho chúng tôi số tiền là 174.000.000đồng, trả một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Tại biên bản hòa giải ngày 14/12/2017 nguyên đơn anh Phan Văn T và chị Trần Thị Hồng T yêu cầu bà Trần Thị H và ông Võ Văn C phải trả cho chúng tôi số tiền nợ hụi vốn đã đóng là 98.490.000đồng, trả làm 02 lần trong thời hạn 01 năm.

- Tại bản tự khai ngày 12/12/2017 và biên bản hòa giải ngày 14/12/2017 bị đơn bà Trần Thị H xác định: Tôi thừa nhận anh Phan Văn T và chị Trần Thị Hồng T có tham gia 05 dây hụi tiền do vợ chồng tôi làm chủ là đúng. Quá trình thực hiện hụi đối với 02 dây hụi 01 và 02 khui ngày 20/4/2015 thì vợ chồng anh T chỉ đóng được 28 lần hụi sống. Như vậy số tiền tôi nợ vợ chồng anh T tổng cộng chỉ có 172.000.000đồng chứ không phải 174.000.000 đồng như vợ chồng anh T xác định. Tổng cộng 05 dây hụi này vợ chồng anh T đóng vốn là 98.490.000đồng. Nay vì hoàn cảnh khó khăn xin trả cho vợ chồng anh T số tiền vốn là 98.490.000đồng, trả làm 04 lần trong thời hạn 02 năm.

* Tại phiên tòa hôm nay:

- Anh Phan Văn T và chị Trần Thị Hồng T yêu cầu bà Trần Thị H và ông Võ Văn C phải trả cho anh, chị số tiền nợ hụi vốn đã đóng là 98.490.000đồng. Yêu cầu trả làm hai lần trong hạn như sau, ngày 15/01/2018 âl (ngày 02/3/2018) trả 1/2 số tiền, còn lại 1/2 số tiền trả vào ngày 15/6/2018 âl (ngày 27/7/2018).

- Bị đơn bà Trần Thị H và ông Võ Văn C xin xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Hội đồng xét thấy theo đơn khởi kiện và yêu cầu của anh Phan Văn T và chị Trần Thị Hồng T tại phiên tòa, thì anh, chị yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Tân Phước giải quyết buộc bà Trần Thị H và ông Võ Văn C phải trả cho anh, chị số tiền là 98.490.000đồng tiền nợ hụi. Bà Trần Thị H và ông Võ Văn C hiện cư trú tại ấp P, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang. Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phước theo qui

định tại Điều 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự và quan hệ pháp luật tranh chấp là "tranh chấp về hợp đồng dân sự, góp hụi" qui định tại Khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự và điều 471 của Bộ luật dân sự. Hội đồng xét xử xét thấy bị đơn bà Trần Thị H và ông Võ Văn C không có yêu cầu phản tố, không có người đại diện tham gia phiên tòa và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt đối với bị đơn bà Trần Thị H và ông Võ Văn C.

Hội đồng xét xử xét thấy theo đơn khởi kiện ngày 12/11/2017 nguyên đơn anh Phan Văn T và chị Trần Thị Hồng T yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Tân Phước giải quyết buộc bà Trần Thị H và ông Võ Văn C phải trả cho anh, chị số tiền là 174.00.000đồng. Tại phiên hòa giải ngày 14/12/2017 và tại phiên tòa anh T và chị T yêu cầu bà H và ông C phải trả cho anh, chị số tiền vốn đã đóng là 98.490.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy việc anh T và chị T thay đổi đối với số tiền lãi trong hợp đồng góp hụi, chỉ yêu cầu trả vốn, là thay đổi yêu cầu khởi kiện và việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của anh T, chị T là không vượt quá phạm vi khởi kiện, yêu cầu ban đầu theo qui định tại điều 5 của Bộ luật tố tụng dân sự, nên Hội đồng xét xử chấp nhận việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Phan Văn T, chị Trần Thị Hồng T và tiếp tục việc giải quyết vụ án.

[2] Về nội dung: Tại phiên tòa, anh Phan Văn T và chị Trần Thị Hồng T yêu cầu bà Trần Thị H và ông Võ Văn C phải trả cho anh, chị số tiền nợ hụi là 98.490.000đồng. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của anh Phan Văn T và chị Trần Thị Hồng T là có có căn cứ chấp nhận, bởi lẽ: Anh, chị có tham gia 05 dây hụi tiền do bà H và ông C làm chủ, cụ thể như sau:

Dây 1: Hụi mở ngày 20/4/2015, hụi 1.000.000đồng/phần, mỗi tháng khui 01 lần, hụi gồm có 35 phần, vợ chồng anh T tham gia 01 phần, đóng được 28 lần hụi sống thì vợ chồng bà H ngưng hụi. Như vậy dây hụi này vợ chồng bà H nợ vợ chồng anh T 28 lần hụi với số tiền là 28.000.000đồng.

Dây 2: Hụi mở ngày 20/4/2015, hụi 1.000.000đồng/phần, mỗi tháng khui 01 lần, hụi gồm có 35 phần, vợ chồng anh T tham gia 01 phần, đóng được 28 lần hụi sống thì vợ chồng bà H ngưng hụi. Như vậy dây hụi này vợ chồng bà H nợ vợ chồng anh T 28 lần hụi với số tiền là 28.000.000đồng.

Dây 3: Hụi mở ngày 10/8/2015, hụi 5.000.000đồng/phần, 03 tháng khui 01 lần theo 03 vụ lúa, hụi gồm có 25 phần, vợ chồng anh T tham gia 01 phần, đóng được 08 lần hụi sống thì vợ chồng bà H ngưng hụi. Như vậy dây hụi này vợ chồng bà H nợ vợ chồng anh T 08 lần hụi với số tiền là 40.000.000đồng.

Dây 4: Hụi mở ngày 05/02/2016, hụi 1.000.000đồng/phần, mỗi tháng khui 01 lần, hụi gồm có 40 phần, vợ chồng anh T tham gia 02 phần, đóng được 19 lần hụi sống thì vợ chồng bà H ngưng hụi. Như vậy dây hụi này vợ chồng bà H nợ vợ chồng anh T 19 lần hụi x 02 phần với số tiền là 38.000.000đồng.

Dây 5: Hụi mở ngày 05/02/2016, hụi 1.000.000đồng/phần, mỗi tháng khui 01 lần, hụi gồm có 40 phần, vợ chồng anh T tham gia 02 phần, đóng được 19 lần hụi sống thì vợ chồng bà H ngưng hụi. Như vậy dây hụi này vợ chồng bà H nợ vợ chồng anh T 19 lần hụi x 02 phần với số tiền là 38.000.000đồng.

Tổng cộng vợ chồng bà H nợ vợ chồng anh T số tiền hụi là 172.000.000 đồng, trong đó có cả vốn và lãi. Quá trình giải quyết vụ án anh T, chị T và bà H xác định thống nhất số tiền vốn anh T và chị T đóng cho 05 dây hụi này tổng cộng là 98.490.000đồng. Do vợ chồng bà H ngưng hụi, không tiếp tục thực hiện hợp đồng góp hụi nên vợ chồng anh T yêu cầu trả số tiền vốn đã đóng 98.490.000đồng, bà H cũng đồng ý trả theo yêu cầu của anh T và chị T.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn anh T và chị T xác định, quá trình chơi hụi bà H có giao cho anh, chị 05 giấy danh sách hụi xác định thời gian mở hụi, thời gian định kỳ thực hiện hụi, số tiền hụi viên phải đóng theo định kỳ, số lượng hụi viên tham gia… anh T, chị T có sao chụp gởi kèm theo đơn khởi kiện. Do đó có cơ sở xác định hợp đồng góp hụi giữa anh T, chị T và bà H, ông C đã được xác lập hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên tham gia thực hiện hụi. Bà H, ông C có làm chủ hụi và anh T, chị T có tham gia hụi. Bà H, ông C có nợ hụi anh T, chị T 98.490.000đồng đến nay chưa trả. Quá trình giải quyết vụ án bà H có lời khai thừa nhận và đồng ý trả cho anh T, chị T số tiền 98.490.000đồng là phù hợp với yêu cầu khởi kiện của anh T, chị T. Vì vậy anh T và chị T khởi kiện là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận, buộc bà H và ông C phải trả cho anh T và chị T số tiền nợ hụi 98.490.000đồng là phù hợp với điều 471 của Bộ luật dân sự.

[3] Về thời gian trả: Tại phiên Tòa hôm nay anh T và chị T yêu cầu bà H và ông C phải trả cho anh, chị số tiền nợ hụi hai lần trong hạn như sau, ngày 15/01/2018 âl (ngày 02/3/2018) trả 1/2 số tiền, còn lại 1/2 số tiền trả vào ngày 15/6/2018 âl (ngày 27/7/2018). Hội đồng xét xử xét thấy ông C và bà H đã vi phạm hợp đồng, vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự. Anh T và chị T đã yêu cầu ông C và bà H trả tiền nhiều lần nhưng vẫn không trả mà kéo dài thời gian trả nợ, gây nhiều thiệt thòi về quyền lợi cho anh T, chị T. Do đó Hội đồng xét xử buộc ông C và bà H phải có nghĩa vụ trả cho anh T và chị T số tiền nợ hụi 98.490.000đồng theo thời gian yêu cầu của anh T, chị T là phù hợp.

[4] Về án phí: Bị đơn bà Trần Thị H và ông Võ Văn C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng các Điều 471, khoản 2 điều 357 của Bộ luật dân sự; Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ.

- Căn cứ vào khoản 1 điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Phan Văn T và chị Trần Thị Hồng T.

- Buộc bà Trần Thị H và ông Võ Văn C phải trả cho anh Phan Văn T và chị Trần Thị Hồng T số tiền nợ hụi là 98.490.000 đồng (chín mươi tám triệu,

bốn trăm chín chục ngàn đồng). Thực hiện nghĩa vụ giao trả làm hai lần trong hạn như sau: ngày 15/01/2018 âl (ngày 02/3/2018) trả 49.245.000đồng, ngày 15/6/2018 âl (ngày 27/7/2018) trả 49.245.000đồng.

Kể từ ngày anh T và chị T có đơn yêu cầu thi hành án, cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng ông C và bà H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 357 của Bộ luật dân sự, tại thời điểm thanh toán.

2. Về án phí:

- Bà Trần Thị H và ông Võ Văn C phải chịu 4.924.500đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả cho anh Phan Văn T và chị Trần Thị Hồng T số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm anh, chị đã nộp 4.350.000 đồng theo biên lai thu số 18982 ngày 15/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phước.

3. Về quyền kháng cáo:

- Anh T và chị T được thực hiện quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; ông C và bà H được thực hiện quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tống đạt bản án hoặc niêm yết công khai để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì các đương sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên Tòa

NGUYỄN CHÍ KHANH

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang
- VKSND huyện Tân Phước.
- Chi Cục THADS huyện Tân Phước.
- Các đương sự:
- Lưu.